

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK

*Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST*

*Ngày: 30/9/2020*

*V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Chức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Vạn Sinh và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*-Nguyên đơn:* Bà H B Ayũn, sinh năm 1977; địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

*- Bị đơn:* Ông Y L Niê, sinh năm 1969; địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

*-Người phiên dịch:* Ông Y N Niê – Cán bộ Tư pháp xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Trú tại: xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà H B Ayũn trình bày:* Tôi và ông Y L Niê chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1994 cho đến nay và không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu thì đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Y L thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xích mích lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa tôi với ông Y L Niê.

Về con chung: Chúng tôi có 03 người con gồm: Cháu H U Ayũn, sinh ngày 29/9/1995; H S Ayũn, sinh ngày 16/4/1998; cháu Y H Ayũn, sinh ngày 15/3/2007. Về

con Tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc cho cháu Y H Ayũn, sinh ngày 15/3/2007 đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi yêu cầu ông Y L Niê có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Y H Ayũn với mức 2.000.000đ/tháng cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Y L Niê trình bày:* Tôi và bà H B Ayũn chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1994 cho đến nay và không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, chúng tôi sống hạnh phúc thời gian đầu thì đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H B Ayũn bỏ đi làm ăn xa không nói gì với tôi nên tôi ở nhà buồn chán thì thoáng có uống rượu bia nhưng tôi không đánh đập vợ con. Hiện nay vợ chồng sống chung nhà nhưng không nói chuyện gì với nhau cũng không quan tâm gì đến nhau.

Nay bà H B Ayũn làm đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng với tôi thì tôi không đồng ý vì tôi vẫn còn tình cảm với bà H B Ayũn và mong muốn vợ chồng hòa thuận và đoàn tụ.

Về con chung: Tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc cho cháu Y H Ayũn, sinh ngày 15/3/2007 đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi không yêu cầu bà H B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, con chung và tài sản chung là phù hợp với các quy định của pháp luật, đối với cấp dưỡng nuôi con đề nghị trợ cấp theo mức lương cơ sở 1.490.000đồng/tháng.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- *Về hôn nhân:* Bà H B Ayũn và ông Y L Niê chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp, bất đồng ý kiến, một phần do bà H B Ayũn đi làm ăn xa,

dẫn đến ông Y L Niê buồn chán, thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xích mích lẫn nhau.

Nay bà H B Ayũn yêu cầu ly hôn, ông Y L Niê không đồng ý. Qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng sinh sống, ông Y L Niê không có việc làm, chỉ ở nhà thường xuyên uống rượu. Xét thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng đã quá lâu và cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân gần 02 năm, đồng thời để tạo điều kiện cho hai bên có cuộc sống khác phù hợp hơn, nên áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà H B Ayũn với ông Y L Niê là vợ chồng.

[2]- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà H B Ayũn và ông Y L Niê có 03 con chung. Cháu H U Ayũn, sinh ngày 29/9/1995; H S Ayũn, sinh ngày 16/4/1998; và cháu Y H Ayũn, sinh ngày 15/3/2007, đối với 02 cháu H U Ayũn, sinh ngày 29/9/1995; H S Ayũn, sinh ngày 16/4/1998 đã trưởng thành, quyền định đoạt là của các cháu và các bên không có yêu cầu nên không đặt ra để xem xét nữa, còn cháu Y H Ayũn, sinh ngày 15/3/2007 hiện nay đang ở với mẹ, để đảm bảo cho con chung được nuôi dưỡng và phát triển về mọi mặt, điều kiện kinh tế của cha mẹ sau khi cha mẹ ly hôn; Xét nguyện vọng của bà H B Ayũn là phù hợp nên cần chấp nhận giao cho bà H B Ayũn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Y H Ayũn, sinh ngày 15/3/2007 cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); Về cấp dưỡng ông Y L Niê có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H B Ayũn mỗi tháng 1.000.000đồng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung Y H Ayũn, sinh ngày 15/3/2007 tròn 18 tuổi; Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]- *Về tài sản chung*: các bên tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu giải quyết đây là sự định đoạt của các bên nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 16, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]- *Về án phí*: Bà H B Ayũn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

#### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 53; Điều 58; Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà H B Ayũn.

-*Về hôn nhân:* Không công nhận bà H B Ayũn với ông Y L Niê là vợ chồng.

-*Về con chung:* Giao cho bà H B Ayũn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Y H Ayũn, sinh ngày 15/3/2007 cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi), các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng ông Y L Niê có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H B Ayũn mỗi tháng 1.000.000đồng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung Y H Ayũn, sinh ngày 15/3/2007 tròn 18 tuổi.

-*Về tài sản chung:* Các bên tự định đoạt không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

-*Về án phí:* Bà H B Ayũn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0015515 ngày 11/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- UBND x.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**HOÀNG MINH CHÚC**